1. **Hãy chọn phương án đúng cho nhận định sau: “Hệ thống thông tin là một cơ cấu tổ chức của …, …”**
2. Nhân sự
3. Cơ sở hạ tầng
4. Dữ liệu
5. Quy chế, thủ tục
6. Giải pháp phần mềm
7. ***Tất cả các phương án trên***
8. **Các tài nguyên mà hệ thống thông tin sử dụng**
9. Tài nguyên nhân sự
10. Tài nguyên phần cứng, tài nguyên phần mềm
11. Tài nguyên mạng, tài nguyên dữ liệu
12. ***Tất cả các phương án trên***
13. **Xác định vai trò ở mức cao nhất của HTTT trong doanh nghiệp**
14. Hỗ trợ các quy trình, hoạt động nghiệp vụ
15. Hỗ trợ nhân viên, nhà quản lý đưa ra quyết định dựa trên tình hình doanh nghiệp
16. Hỗ trợ nâng cao vị thế, tên tuổi của doanh nghiệp
17. ***Hỗ trợ đưa ra chiến lược phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN***
18. **Xác định vai trò ở mức thấp nhất của HTTT trong doanh nghiệp**
19. Hỗ trợ nhân viên, nhà quản lý đưa ra quyết định dựa trên tình hình doanh nghiệp
20. Hỗ trợ nâng cao vị thế, tên tuổi của doanh nghiệp
21. Hỗ trợ đưa ra chiến lược phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN
22. ***Hỗ trợ các quy trình, hoạt động nghiệp vụ***
23. **HTTT ngày nay được hiểu là có sử dụng máy tính (CNTT)**
24. ***True***
25. False
26. **Tri thức rõ ràng (Explicit knowledge) là**
27. Tri thức thường không được chia sẻ với bất cứ ai
28. Tri thức làm thế nào (how-) nằm trong tâm trí các nhân viên
29. ***Là các dữ liệu, tài liệu, suy nghĩ được ghi lại***
30. Thường là các thông tin quan trọng nhất trong công ty và không được ghi lại
31. **Information technology is?**
32. A corporate network that function with Internet technologies, such as browsers and search engines, using Internet protocols
33. Businesses that operate from various location, usually through telecommunications without a permanent headquarters
34. ***The technology component of an information system, or the collection of the entire systems in an organization***
35. **Virtual corporation is?**
36. A corporate network that function with Internet technologies, such as browsers and search engines, using Internet protocols
37. ***Businesses that operate from various location, usually through telecommunications without a permanent headquarters***
38. The technology component of an information system, or the collection of the entire systems in an organization
39. **Các chiến lược cạnh tranh chính của DN bao gồm? One or more**
40. ***Dẫn đầu chi phí (Cost leadership strategy)***
41. ***Tạo sự khác biệt (Differentiation strategy)***
42. ***Đổi mới (Innovation strategy)***
43. Tạo ra rào cản đối với các đổi thủ mới
44. Đưa IT vào sản phẩm, dịch vụ
45. **Theo Michael Porter một DN không phải đương đầu với các yếu tố cạnh tranh nào dưới đây**
46. Sự ganh đua của các đối thủ cạnh tranh
47. Sự đe dọa của các đối thủ mới, của các sản phẩm thay thế có thể chiếm lĩnh thị trường
48. Sức mạnh thương lượng của khách hàng, nhà cung cấp
49. ***Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động***
50. **Theo Michael Porter, các yếu tố cạnh tranh chính của doanh nghiệp bao gồm:**
51. Sự ganh đua của các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài ngành công nghiệp
52. ***Sự đe dọa của các đối thủ mới gia nhập ngành công nghiệp***
53. Sự ganh đua trong việc tái cấu trúc quy trình kinh doanh nhằm đem lại lợi thế của các đối thủ cạnh tranh
54. ***Sức mạnh thương lượng của khách hàng, của các nhà cung cấp***
55. Sự ganh đua trong việc giảm chi phí cho các sản phẩm và dịch vụ
56. **Các hoạt động được đề cập trong khái niệm: “Chuỗi giá trị” của Michael Porter bao gồm: One or more**
57. Các quy trình, thủ tục hành chính
58. Các quy trình không liên quan đến khách hàng, nhà cung cấp
59. ***Các quy trình chính liên quan trực tiếp đến sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm***
60. ***Các quy trình hỗ trợ: Hỗ trợ các hoạt động hằng ngày của công ty và gián tiếp đóng góp vào sản phẩm hoặc dịch vụ***
61. **Cụm từ “Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp” dịch sang TA là gì?**
62. Business Program Recontruction
63. Business Popular Reengineering
64. ***Business Process Reengineering***
65. Business Process Recontruction
66. **Đặc điểm tri thức ngầm là?**
67. Tri thức làm thế nào (how-tos of knowledge) và được ghi lại trên máy tính
68. ***Thường là các thông tin quan trọng nhất trong công ty và không được ghi lại dưới bất kỳ hình thức nào***
69. Tri thức thường không chia sẻ với ai và được quản lý bởi hệ thống quản lý tri thức
70. Được lưu trữ trong máy tính
71. **Các chiến lược cơ bản mà công ty năng động cần triển khai**
72. ***Công ty được tổ chức tốt, mềm dẻo để có thể phát triển và thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi và không chắc chắn trong kinh doanh***
73. Sử dụng công nghệ thông tin để kết nối công ty với các đối tác khác
74. Đưa hàm lượng công nghệ thông tin vào sản phẩm và dịch vụ
75. Áp dụng các hệ thống thông tin để nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ hằng ngày
76. **Which of the following is one of the competitive strategies a company can use to counter competitive forces?**
77. Rivalry of competition
78. ***Innovation***
79. Bargaining power of customers
80. Bargaining power of suppliers
81. **Thiết bị nào dưới đây KHÔNG thuộc vào nhóm bộ nhớ thứ cấp**
82. Ổ đĩa cứng (HDD)
83. Đĩa quang (CD/DVD)
84. USB, thẻ nhớ
85. ***ROM, RAM***
86. **Chiến lược cơ bản của việc sử dụng công ty ảo (Virtual Company) nhằm mục đích?**
87. Sử dụng công nghệ thông tin để kết nối con người, tài sản, ý tưởng và với các tổ chức
88. Sử dụng công nghệ thông tin để kết nối con người, tài sản
89. ***Chia sẻ cơ sở hạ tầng và rủi ro với các đối tác liên kết***
90. Tất cả đều sai
91. **Phần mềm máy tính được phân chia thành các nhóm phần mềm chính như:**
92. Phần mềm phục vụ cho mục đích chung
93. Phần mềm ứng dụng cụ thể
94. Hệ điều hành
95. ***Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng***
96. **Bộ phần mềm là:**
97. ***Các phần mềm được đóng gói trong cùng một sản phẩm***
98. Một sản phẩm gồm nhiều phần mềm có thể dùng chung cho một mục đích cụ thể
99. Một phần mềm duy nhất
100. Một bộ phần mềm gồm cả Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng
101. **Các loại máy tính khi được phân loại theo mục đích sử dụng gồm có: one or more**
102. ***Micro computer***
103. ***Midrange computer***
104. Big computer
105. ***Mainframe computer***
106. **Với sự trợ giúp của các phương tiện truyền thông, các giới hạn nào được vượt qua:**
107. ***Địa lý***
108. ***Thời gian***
109. ***Chi phí***
110. Nhân lực
111. **Mạng LAN cho phép doanh nghiệp**
112. ***Kết nối các máy tính trong nội bộ doanh nghiệp***
113. Kết nối với máy tính doanh nghiệp khách hàng
114. Kết nối với vệ tinh viễn thông
115. Không có phương án nào đúng
116. **Các nhóm thành phần (phần cứng) chính hệ thống máy tính: One or more**
117. Màn hình, bàn phím, chuột, ổ cứng
118. ***Thiết bị nhập/xuất***
119. ***Bộ nhớ***
120. ***Đơn vị xử lý trung tâm (CPU)***
121. **An \_\_\_\_\_\_is a network inside an organization that uses internet technologies to provide an Internet-like environment within the enterprise for information sharing…**
122. ***Intranet***
123. Extranet
124. Meganet
125. Giganet
126. **E-business là mô hình?**
127. Sử dụng mạng LAN trong hoạt động kinh doanh
128. Chỉ sử dụng máy tính trong hoạt động kinh doanh
129. ***Sử dụng phần cứng, phần mềm cùng với hạ tầng mạng hỗ trợ HTTT trong DN***
130. Không có phương án nào đúng
131. **Sử dụng Email thông qua phần mềm Email Client cài đặt trên máy tính khác với sử dụng Email thông qua hệ thống Web như thế nào?**
132. ***Trả lời các Email đã nhận được ngay cả khi không có Internet***
133. Có thể chuyển tiếp (Forward) thư đến bất kỳ địa chỉ nào
134. ***Phải cấu hình các địa chỉ máy chủ liên quan đến việc gửi và nhận thư***
135. Lọc thư tùy theo ý thích của người sử dụng
136. **Những hoạt động nào góp phần làm tăng giá trị kinh doanh mới của doanh nghiệp**
137. ***Tăng số lượng khách hàng trung thành***
138. Giảm chi phí vận hành
139. ***Phát triển các thị trường mới***
140. Sản sinh các nguồn lợi nhuận mới
141. ***Thu hút các khách hàng mới***
142. **Các phần mềm thuộc dạng Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) là hệ thống cộng tác và giao tiếp gì?**
143. Cơ bản
144. Phức tạp
145. Bắt buộc phải có trong các hệ thống thông tin
146. ***Sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ***
147. **Ưu điểm của hệ thống Video Conference là:**
148. ***Tiết kiệm thời gian, chi phí***
149. ***Tăng cường khả năng tương tác, trao đổi***
150. ***Không cần lo lắng về mặt không gian khi trao đổi***
151. Tăng cường chức năng tái tổ chức doanh nghiệp
152. **Fill into the blank: \_\_\_\_\_ are network links that uses Internet technologies to interconect the intranet of a business with the intranets of its customers, suppliers or other business partners**
     1. Giganet
     2. ***Extranets***
     3. Meganets
     4. Intranets
153. **Hệ thống cộng tác và giao tiếp hỗ trợ những gì giữa các đơn vị chức năng trong DN?**
     1. ***Quá trình trao đổi thông tin***
     2. ***Quá trình tương tác***
     3. ***Quá trình cộng tác***
     4. Quá trình tái xây dựng hệ thống quy trình nghiệp vụ
154. **Sử dụng Email thông qua hệ thống Web khác với sử dụng Email thông qua phần mềm Email Client cài đặt trên máy tính như thế nào?**
     1. Điều hướng được thư đến theo ý thích của người dùng
     2. Trả lời Email tại bất kỳ lúc nào, ngay cả khi không có Internet
     3. ***Chỉ cần dùng email qua trình duyệt web mà không phải cấu hình hệ thống***
     4. Tính bảo mật của email thông qua hệ thống web là cực cao
155. **Hệ thống thông tin KHÔNG bao gồm các hoạt động nào dưới đây?**
     1. Nhập dữ liệu đầu vào, kết xuất thông tin đầu ra
     2. Xử lý, lưu trữ dữ liệu
     3. Kiểm soát
     4. ***Tái cấu trúc quy trình***
156. **“Công nghệ thông tin (Information Technology-IT)” đề cập tới?**
     1. Nhân sự, cơ sở hạ tầng
     2. Quy chế, thủ tục
     3. Các thành phần, tài nguyên cần thiết để cung cấp chức năng, nghiệp vụ hay thông tin trong DN
     4. ***Phần cứng, phần mềm, mạng, thiết bị lưu trữ dữ liệu***
157. **Hệ thống thông tin (Information system-IS) mô tả:**
     1. Giải pháp phần mềm
     2. Mạng, thiết bị lưu trữ dữ liệu
     3. Phần cứng
     4. ***Các thành phần, tài nguyên cần thiết để cung cấp chức năng, nghiệp vụ hay thông tin trong doanh nghiệp***
158. **Giá trị của các hoạt động kinh doanh tập trung vào khách hàng là**
     1. Lưu vết các sở thích riêng biệt của khách hàng
     2. Tăng doanh thu của doanh nghiệp
     3. ***Giữ được sự trung thành của khách hàng***
     4. ***Cung cấp sản phẩm, dịch vụ với chất lượng cao cho khách hàng***
159. **Các chiến lược cơ bản mà công ty năng động (Agile Company) cần triển khai** 
     1. ***Công ty được tổ chức tốt, mềm dẻo để có thể phát triển và thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi và không chắc chắn trong kinh doanh***
     2. Đựa hàm lượng công nghệ thông tin vào sản phẩm và dịch vụ
     3. Sử dụng công nghệ thông tin để kết nối công ty với các đối tác khác
     4. Áp dụng các hệ thống thông tin để nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ hàng ngày
160. **Kinh doanh điện tử (E-business) gồm những thành phần chính nào?**
     1. ***Hệ thống cộng tác và giao tiếp trong doanh nghiệp***
     2. Tất cả các hệ thống ta đề cập đến ở câu này
     3. ***Hệ thống thương mại điện tử***
     4. Hệ thống vận chuyển hàng hóa
161. **Ghép tên hệ điều hành và tên hãng sản xuất**

*Android - Google*

*Windows - Microsoft*

*Blackberry - Research in motion*

*Symbian - Nokia*

*iOS - Apple*

1. **The basic fucntion of an operating system include:**
   1. ***File Management***
   2. ***Task Management***
   3. ***Utilities and Other functions***
   4. ***Users Interface***
   5. ***Resource Management***
2. **Các thành phần ứng dụng (Module) nào sau đây không phải là Module cơ bản của hệ thống ERP?**
   1. Quản lý sản xuất
   2. ***Quản lý quan hệ khách hàng (ERP)***
   3. Quản lý bán hàng, phân phối hàng
   4. Quản lý nhân sự
3. **Tài nguyên nhân sự trong hệ thống thông tin của doanh nghiệp là:**
   1. Nhà cung cấp (Supplier)
   2. ***Các chuyên gia cà người dùng cuối cùng***
   3. Quản trị viên hệ thống
   4. Người dùng cuối (End user)
   5. Chuyên gia phân tích hệ thống, chuyên gia phát triển hệ thống
4. **Các hoạt động chính của HTTT?**
   1. ***Lưu trữ dữ liệu***
   2. Cải tiến quy trình nghiệp vụ
   3. ***Xử lý dữ liệu thành thông tin***
   4. ***Kết xuất các thông tin kết quả***
   5. ***Kiểm soát hoạt động của hệ thống***
   6. ***Nhập dữ liệu đầu vào***
   7. Liên kết đối tác
5. **Nhược điểm của hệ thống email là:**
   1. Tốc độ nhanh
   2. ***Không có phương án nào trong các phương án đưa ra là đúng***
   3. Giới hạn khoảng cách, vị trí địa lý
   4. Chi phí cao
6. **Types of databases are used by business organizations:**
   1. ***Operational***
   2. ***External***
   3. ***Distributed***
   4. Master
   5. ***Hypermedia***
7. **Computer-based information is:**
   1. ***A physical process that supports an organization by collecting, processing, storing and analyzing data and providing information to achieve organization goals***
8. **Fill in the blank: when a company makes investment in IT to improve its operations or promotes innovation it can erect \_\_\_\_\_ that would discourage or delay competitor for entering a market**
   1. ***Barries to entry***
9. **Công ty Amazon đã sử dụng chiến lược gì trong cạnh tranh**
   1. Dẫn đầu chi phí
   2. Phát triển
   3. Tạo sự khác biệt
   4. ***Đổi mới***
10. **How could a business benefit from business process and re-engineer**
    1. ***All of the choises are correct***
11. **Viết tắt các phần mềm**
    1. *CRM (Customer Relationship Management): Quản trị quan hệ khách hàng*
    2. *HRM (Human Resource Management): Quản trị nguồn nhân lực*
    3. *AIS (Accounting Information System): Hệ thống thông tin kế toán*
    4. *FIS (Finance Information System): Hệ thống thông tin tài chính*
    5. *SCM (Supply Chain Management): Quản lý chuỗi cung ứng*
    6. *ERP (Enterprise Resource Planning): Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*
12. **Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) không bao gồm có các nhóm ứng dụng chính nào dưới đây?**
    1. Quản lý thông tin liên lạc và các account của khách hàng
    2. Bán hàng
    3. Tiếp thị và thực hiện
    4. Dịch vụ hỗ trợ khách hàng
    5. Đưa ra các chương trình dành cho khách hàng trung thành và các chương trình để giữ chân khách hàng mục tiêu
    6. ***Định giá và cải tiến chất lượng bán hàng***
13. **The following statement is True or False?**

**“Sales force automation systems use mobile computing and internet technologies to automake many information processing activities for processes related to sales and customer service”**

* 1. ***True***
  2. False

1. **Doanh nghiệp cần duy trì sự trung thành của khách hàng bằng cách:**
   1. ***Áp dụng các chính sách chăm sóc phù hợp tới các đối tượng khách hàng***
   2. Tiếp thị mọi sản phẩm tới các đối tượng khách hàng
   3. Tăng cường gặp gỡ và gọi điện cho tất cả các khách hàng
2. **Cung cấp phương thức truy cập tức thì vào tất cả thông tin khách hàng từ nội bộ và bên ngoài là xu hướng của:**
   1. CRM hoạt động (Operational CRM)
   2. CRM phân tích (Analytical CRM)
   3. CRM cộng tác (Collaborative CRM)
   4. ***Cổng giao dịch (Portal-based CRM)***
3. **Hỗ trợ tự động hóa các quy trình kinh doanh cơ bản như dịch vụ khách hàng, quản lý đơn hàng, hóa đơn, bán hàng, tiếp thị, … Được thực hiện thông qua**
   1. ***CRM hoạt động (Operational CRM)***
   2. CRM phân tích (Analytical CRM)
   3. CRM cộng tác (Collaborative CRM)
4. **Cho phép DN phân tích, tiên đoán về các hoạt động của KH và giá trị mang lại, cũng như dự báo nhu cầu trong tương lai được thực hiện qua:**
   1. CRM hoạt động (Operational CRM)
   2. ***CRM phân tích (Analytical CRM)***
   3. CRM cộng tác (Collaborative CRM)
5. **In CRM systems, Invoices Management is a function of**
   1. Contact & Account Management
   2. Sales Management
   3. ***Marketing & Fulfillment***
   4. Customer Service & Support
6. **Hoạt động quản lý tiền lương trong hệ thống HRM bao gồm:**
   1. ***Kế hoạch ngân sách tiền lương / dự báo tiền lương / tính lương / chế độ phúc lợi / kiểm soát tính lương / điều hành tiền lương***
   2. Kế hoạch / Tính lương / Chế độ phúc lợi / Trả lương
   3. Kế hoạch quản lý lương / Tính lương / Chế độ phúc lợi / tính tổng lương phải trả / trả lương
   4. Kế hoạch quản lý lương / Tính lương / Chế độ phúc lợi / trả lương / tính tổng lương phải trả
7. **Điền vào chỗ trống: Hoạt động \_\_\_\_\_ là hoạt động bổ nhiệm, phân công công việc phù hợp với năng lực của nhân viên**
   1. Bổ nhiệm công việc
   2. ***Bố trí công việc***
   3. Phân công công việc
   4. Phân công công việc theo năng lực
8. **Orange HRM là?**
   1. ***Một hệ thống mã nguồn mở cung cấp giải pháp lý tưởng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ***
   2. Một hệ thống mã nguồn mở cung cấp giải pháp lý tưởng cho các doanh nghiệp vừa và lớn
   3. Một hệ thống không phải mã nguồn mở cung cấp giải pháp lý tưởng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ
9. **Mục tiêu của hệ thống quản trị nguồn nhân lực (HRM) là gì?**
   1. ***Lập kế hoạch để đáp ứng nhu cầu về nhân sự***
   2. ***Phát triển tiềm năng của nhân viên***
   3. Đảm bảo việc làm cho người lao động
   4. ***Kiểm soát các hoạt động và chính sách cho người lao động***
   5. Tìm được đúng người để giao việc
10. **Điền vào chỗ trống: \_\_\_\_\_ là kế hoạch ngăn chặn thiếu hụt lao động đồng thời hỗ trợ việc chuyển giao kiến thức và giảm thiểu gián đoạn kinh doanh**
    1. Kế hoạch điều động nhân viên
    2. ***Kế hoạch nhân sự thay thế***
    3. Kế hoạch tuyển dụng
    4. Kế hoạch đánh giá hiệu suất
11. **Kế hoạch nhân sự bao gồm:**
    1. ***Dự báo nhu cầu về nhân lực***
    2. ***So sánh nhu cầu và khả năng sẵn có***
    3. Tuyển dụng
    4. Chọn lựa
    5. ***Dự báo nguồn cung cấp nhân lực***
12. **Các thành phần trong quá trình xử lý dữ liệu của mô hình hệ thống thông tin kế toán (AIS) là gì?**
    1. Chứng từ, sổ sách kế toán
    2. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị
    3. Các thủ tục, quy trình liên quan đến bộ phận kế toán
    4. ***Phần cứng, phần mềm, các thủ tục, cơ sở dữ liệu và con người***
    5. Các thủ tục, cơ sở dữ liệu và con người
13. **Các chức năng nào dưới đây liên quan đến việc thực hiện chuỗi cung ứng**
    1. ***Quản lý nguyên vật liệu***
    2. ***Sản xuất công tác***
    3. ***Thực hiện công tác***
    4. ***Quản lý sự kiện chuỗi cung ứng***
    5. ***Quản lý hiệu năng chuỗi cung ứng***
    6. Quản lý tài chính
    7. Quản lý tài sản
    8. Quản lý nguồn vốn
14. **Các nghiệp vụ của chu trình cung cấp trong hệ thống thông tin (AIS) kế toán liên quan đến vấn đề gì?**
    1. Bán hàng
    2. ***Mua hàng***
    3. Sản xuất
    4. Vận chuyển
15. **Vai trò của việc xử lý thông tin trong phần mềm hệ thống thông tin kế toán (AIS) là?**
    1. Là cầu nối giữa phần cứng, phần mềm và hệ thống AIS
    2. ***Liên kết những công cụ kế toán để tạo ra báo cáo kế toán***
    3. Thay thế con người để xử lý toàn bộ các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến kế toán
    4. Dùng để lưu trữ thông tin kế toán cho chính xác tránh gây ra nhầm lẫn
16. **Những phương pháp nào dưới đây được dùng trong giai đoạn nhập liệu của quá trình xử lý trong hệ thống AIS nhằm mục đích chuyển dữ liệu trên chứng từ vào máy tính**
    1. ***Dùng bàn phím***
    2. ***Dùng con chuột***
    3. Dùng máy POS (Point of Sale)
    4. ***Truyền số liệu vào máy tính từ hệ thống dữ liệu khác***
    5. Các bảng báo cáo thống kê, chứng từ
17. **Quá trình ghi chép, xử lý các nghiệp vụ kế toán liên quan đến sự tiêu thụ lao động, vật liệu và chi phí để tạo ra thành phẩm hoặc dịch vụ là chu trình nghiệp vụ nào trong hệ thống thông tin kế toán?**
    1. Chu trình tiêu thụ
    2. Chu trình cung cấp
    3. ***Chu trình sản xuất***
    4. Chu trình tài chính
    5. Chu trình báo cáo tài chính
18. **Những chu trình cần đầu vào là các sự kiện kinh tế**
    1. ***Chu trình tiêu thụ***
    2. ***Chu trình cung cấp***
    3. ***Chu trình sản xuất***
    4. ***Chu trình tài chính***
    5. Chu trình báo cáo tài chính
19. **Phản hồi thông tin trong chương trình phần mềm hệ thống thông tin kế toán gồm những loại nào dưới đây?**
    1. Những câu hỏi máy tính giúp người làm kế toán tránh khỏi những sai sót chủ quan hay khách quan trong quá trình làm việc
    2. ***Những thông báo của máy tính giúp người làm kế toán tránh khỏi những sai sót chủ quan hay khách quan trong quá trình làm việc***
    3. ***Liệt kê thông tin ra màn hình mỗi khi nhận được lệnh làm việc của nhân viên nghiệp vụ***
    4. Tự động đóng toàn bộ chương trình khi phát sinh lỗi hệ thống
20. **Thành phần nào của hệ thống thông tin tài chính liên quan đến việc tối ưu hóa nguồn tiền để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận?**
    1. Quản lý dòng tiền
    2. ***Quản lý đầu tư***
    3. Ngân sách vốn
    4. Hoạch định và dự báo tài chính
21. **Fill in the blank: In \_\_\_\_\_ model, a customer interacts with information databases such as product catalogues, price information, configures the product, compares the cost, places the order and gets it delivered after the electronic payment process.**
    1. C2C
    2. B2B
    3. B2C
    4. ***C2B***
22. **Nguyên nhân thất bại khi triển khai hệ thống ERP là gì?**
    1. ***Chuyển đổi dữ liệu và thử nghiệm hệ thống không đầy đủ***
    2. ***Nhân sự tham gia triển khai dự án và sử dụng hệ thống không đáp ứng được yêu cầu***
    3. Không đủ chi phí triển khai
    4. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin không đáp ứng được nhu cầu triển khai hệ thống
23. **Các lợi ích mà hệ thống ERP mang lại cho doanh nghiệp?**
    1. ***Nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của doanh nghiệp***
    2. ***Giảm chi phí doanh nghiệp***
    3. ***Hỗ trợ ra quyết định***
    4. Giúp doanh nghiệp tăng doanh thu nhanh chóng
24. **The correct order of the supply chain life cycle is:**
    1. Schedule, commit, make, deliver
    2. ***Commit, schedule, make, deliver***
    3. Make, schedule, commit, deliver
    4. Deliver, make, commit, schedule
25. **Hệ thống InterEnterprise ERP là gì?**
    1. Hệ thống ERP được thiết kế mềm dẻo, có tính mở
    2. Hệ thống ERP liên công ty chạy trong mạng nội bộ (LAN)
    3. ***Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web cho phép đối tác công ty cùng tham gia sử dụng hệ thống***
26. **Phát biểu nào sau đây về E-Business Suite là đúng?**
    1. Hệ thống ERP được thiết kế mềm dẻo, có tính mở
    2. Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web cho phép đối tác công ty cùng tham gia sử dụng hệ thống
    3. Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web giúp dễ dàng kết nối với các hệ thống nội bộ trong doanh nghiệp và hệ thống các đối tác khác
    4. ***Tích hợp tất cả công nghệ và các phân hệ chính của ERP cũng như các ứng dụng khác vào trong 1 gói phần mềm gọi là E-Business Suite***
27. **Hãy thiết lập xu hướng phát triển của hệ thống ERP từ thấp đến cao?**
    1. ERP có tính mở (Flexible ERP) - 1
    2. ERP dựa trên nền tảng Web (Web-Enabled ERP) - 2
    3. ERP liên doanh nghiệp (InterEnterprise ERP) - 3
    4. Bộ phần mềm kinh doanh điện tử (E-Business Suite) - 4
28. **Fill in the blank: E-Business systems use \_\_\_\_\_ and run on Internet platform**
    1. Webmaster
    2. ***Client / server architecture***
    3. Web administrator
    4. Customer’s friendly and attractive
29. **Phát biểu nào sau đây không phải là nguyên nhân thất bại khi triển khai hệ thống ERP**
    1. Chuyển đổi dữ liệu và thử nghiệm hệ thống không đầy đủ
    2. Nhân sự tham gia triển khai dự án và sử dụng hệ thống không đáp ứng được nhu cầu
    3. Đào tạo sử dụng hệ thống ERP không đầy đủ
    4. ***Cở sở hạ tầng CNTT không đáp ứng được nhu cầu triển khai hệ thống***
30. **Electronic business is the use of the Internet and other networks and information technologies to support which of the following?**
    1. Electronic commerce
    2. Enterprise communication and collaboration
    3. Customer service management
    4. ***All of choices are correct***
31. **Thiết lập các mối quan hệ giữa các cấp độ chi phí khi triển khai hệ thống ERP?**
    1. Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ - 43
    2. Phần cứng - 12
    3. Phần mềm - 15
    4. Chuyển đổi dữ liệu - 15
    5. Quản lý thay đổi và đào tạo - 15
32. **ERP viết tắt của cụm từ nào dưới đây?**
    1. ***Enterprise Resource Planning***
    2. Enterprise Resource Process
    3. Enterprise Reengineering Planning
    4. Enterprise Reengineering Process
33. **Phát biểu nào sau đây về phần mềm OpenERP là đúng?**
    1. Phần mềm ERP miễn phí của công ty Oracle
    2. Phần mềm ERP của công ty SAP
    3. Phần mềm ERP mã nguồn mở của công ty SAP
    4. ***Phần mềm ERP mã nguồn mở, hoàn toàn miễn phí***
34. **Phân tích chi phí và ngân sách lao động là:**
    1. ***Phân tích chi phí lương theo doanh thu, đống thời xác định tỷ lệ lương, cơ chế thưởng phạt và xác định chi phí đào tạo và phát triển nguồn nhân lực***
    2. Phân tích quỹ vốn của một tổ chức hoặc doanh nghiệp từ đó tìm ra đường lối phát triển tổ chức hoặc doanh nghiệp đó
    3. Tìm ra nguồn lợi nhuận của một tổ chức hoặc doanh nghiệp
    4. Tìm kiếm cơ hội mở rộng doanh thu và cơ cấu doanh nghiệp
35. **Nguyên tắc nào dưới đây được gọi là nguyên tắc lưu trữ một lần?**
    1. Với một nghiệp vụ liên quan đến hai hay nhiều tài khoản, kế toán chỉ nhập một chứng từ
    2. Với một nghiệp vụ liên quan đến hai hay nhiều tài khoản, kế toán sẽ nhập số lượng chứng từ tương ứng với số lượng tài khoản kế toán liên quan đến nghiệp vụ
    3. Mỗi khi nhập một chứng từ, sau khi đã lưu trữ chứng từ đó, ta không được phép sửa chứng từ đó sau này
    4. ***Mỗi một sự kiện kinh tế xảy ra thì chỉ được phép nhập một chứng từ liên quan đến sự kiện kinh tế đó***
36. **Hệ thống chatting, voice là hệ thống cộng tác và giao tiếp gì?**
    1. Phức tạp
    2. ***Cơ bản***
    3. Sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ
    4. Bắt buộc phải có trong các hệ thống công nghệ thông tin
37. **Những phương pháp nào dưới đây nằm trong giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin của quá trình xử lý nghiệp vụ trong hệ AIS?**
    1. ***Đưa thông tin ra màn hình***
    2. ***In báo cáo***
    3. ***Gửi và nhận thông tin qua hệ thống thư điện tử***
    4. Gửi thông tin qua mạng
38. **Đâu là thách thức đối với việc triển khai hệ thống chuỗi cung ứng?**
    1. ***Thiếu kiến thức về lập kế hoạch nhu cầu, các công cụ và hướng dẫn***
    2. ***Thiếu sự phối hợp giữa tiếp thị, sản xuất và quản lý tồn kho***
    3. Chi phí vật liệu và giao dịch thấp
    4. ***Dữ liệu không chính xác được cung cấp bởi các hệ thống thông tin khác***
    5. Nhiều giao dịch xảy ra
39. **Computer integrated manufacturing includes all but which of the following?**
    1. ***Human resource need***
    2. Engineering systems
    3. Manufacturing execution
    4. Manufacturing resource planning
40. **Hệ thống Web-Enabled ERP là gì?**
    1. Hệ thống ERP được thiết kế mềm dẻo có tính mở
    2. Hệ thống ERP liên công ty chạy trong mạng nội bộ (LAN)
    3. Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web cho phép đối tác của công ty cùng tham gia vào hệ thống
    4. ***Hệ thống ERP chạy trên nền tảng Web giúp dễ dàng kết nối với các hệ thống nội bộ trong doanh nghiệp và hệ thống của các đối tác khác***
41. **Hỗ trợ tương tác với khách hàng hiệu quả hơn qua nhiều kênh giao tiếp được thực hiện qua**
    1. CRM hoạt động (Operation CRM)
    2. CRM phân tích (Analys CRM)
    3. ***CRM cộng tác (Collaborative CRM)***
42. **Giải pháp tích hợp CRM nhằm chia sẻ dữ liệu của nhiều khách hàng tạo ra các dịch vụ cộng tác giữa**
    1. ***Đối tác, công ty, khách hàng, nhà cung cấp***
    2. Đối tác, công ty, khách hàng, nhà cung cấp và đại lý bán lẻ
43. **In the \_\_\_\_\_ phase, a business relies on CRM software tools and databases to help the company proactively identify and reward its most loyal and profitable customers to expand their business via targeted marketing and relationship marketing programs**
    1. Acquire
    2. Enhance
    3. ***Retain***
    4. All of the choices are correct
44. **CRM sử dụng công nghệ thông tin để tạo ra**
    1. ***Một hệ thống DN đa chức năng, trong đó nó tích hợp và tự động nhiều quy trình phục vụ khách hàng trong bán hàng, tiếp thị và nhiều dịch vụ khách hàng tương tác các khách hàng của công ty***
    2. Một hệ thống doanh nghiệp đa chức năng, trong đó nó tích hợp và cung cấp nhiều quy trình phục vụ khách hàng
45. **Tên ghép viết tắt (Tiếng Anh) của phần mềm với tên đầy đủ của phần mềm**
    1. Phần mềm quản lý chuỗi cung ứng - SCM
    2. Phần mềm hoạch định tài nguyên doanh nghiệp - ERP
    3. Phần mềm quản trị nhân lực - HRM
    4. Phần mềm quản trị khách hàng - CRM
46. **Khái niệm E-business có mối quan hệ với các khái niệm E-Commerce và E-Marketing như thế nào?**
    1. Khái niệm E-Business tương đương với khái niệm E-Commerce
    2. Khái niệm E-Business tương đương với khái niệm E-Marketing
    3. ***Bao trùm cả hai khái niệm E-Commerce và E-Marketing trong đó***
    4. Tương đương với cả 2 khái niệm E-Commerce và E-Marketing cộng lại
47. **Hệ thống Thư điện tử (Email) là hệ thống cộng tác và giao tiếp gì?**
    1. Phức tạp
    2. ***Cơ bản***
    3. Sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ
    4. Bắt buộc phải có trong các hệ thống công nghệ thông tin
48. **The following statement is True or False?**

**“Customer Relationship Management improves a company customer focus by assisting in the fulfillment of prospect and customer responses and requests by quickly scheduling sales contacts and providing appropriate information on products and services to sales representatives, while capturing relevant information for the CRM database”**

* 1. ***True***
  2. False

1. **Lựa chọn đúng các bước trong quy trình tuyển dụng**
   1. Xác định nhu cầu > Phỏng vấn sát hạch > Tuyển chọn > Hợp đồng thử việc/nhân viên chính thức
   2. ***Xác định nhu cầu > Tìm kiếm nguồn ứng viên > Tuyển chọn > Hợp đồng thử việc   
      > Nhân viên chính thức***
   3. Xác định nhu cầu > Sơ tuyển > Tuyển chọn > Hợp đồng thử việc > Nhân viên chính thức
2. **Các nghiệp vụ của chu trình tiêu thụ trong hệ thống thông tin (AIS) kế toán liên quan đến vấn đề gì?**
   1. Mua hàng
   2. Sản xuất
   3. Vận chuyển
   4. ***Bán hàng***
3. **Đâu là ưu điểm trong việc xử lý dữ liệu của hệ thống thông tin kế toán**
   1. ***Tính toán nhanh và trên khối lượng lớn***
   2. ***Sắp xếp dữ liệu (phục vụ công tác tìm kiếm)***
   3. ***Tổng hợp số liệu theo nhóm***
   4. Thay thế toàn bộ hoạt động nghiệp vụ kế toán của nhân viên nghiệp vụ
   5. Tránh được tất cả các sai sót trong quá trình nhập số liệu kế toán vào máy tính
4. **Mục tiêu của chuỗi cung ứng**
   1. ***Dự báo nhu cầu khách hàng***
   2. ***Nhận được phản hồi về trạng thái của tất cả các liên kết trong chuỗi cung ứng***
   3. Sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng cao và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường
   4. Đảm bảo xây dựng được một quy trình chặt chẽ trong các khâu kinh doanh của DN
   5. ***Kiểm soát tồn kho***
   6. ***Tăng cường mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối và đối tác kinh doanh khác***
5. **Hệ thống thông tin tài chính (FIS) hỗ trợ những công việc nào dưới đây liên quan đến doanh nghiệp?**
   1. ***Tình hình tài chính trong quá trình hoạt động kinh doanh***
   2. ***Phân bổ và kiểm soát các nguồn tài chính trong doanh nghiệp***
   3. Hỗ trợ toàn bộ các công việc liên quan đến kế toán
   4. Quản lý các tài khoản kế toán, sổ cái
6. **The following statement is True or False?**

**“One of the major drawbacks of ERP is that it cannot give a company an integrated real-time view of its core business processes such as production, order processing, and inventory management”**

* 1. True
  2. ***False***

1. **Hệ thống Flexible ERP là gì?**
   1. ***Hệ thống ERP được thiết kế mềm dẻo có tính mở***
   2. Hệ thống ERP liên công ty chạy trong mạng nội bộ (LAN)
   3. Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web cho phép đối tác của công ty cùng tham gia vào hệ thống
   4. Hệ thống ERP liên công ty chạy trên nền tảng Web giúp dễ dàng kết nối với các hệ thống nội bộ trong doanh nghiệp và hệ thống của các đối tác khác
2. **Hệ thống hội thảo truyền hình (Video conference) là hệ thống cộng tác và giao tiếp gì?**
   1. Bắt buộc phải có trong các hệ thống CNTT
   2. Sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ
   3. Cơ bản
   4. ***Phức tạp***
3. **Đầu vào của mô hình hệ thống thông tin kế toán bao gồm những thành phần nào?**
   1. Phần cứng, phần mềm, các thủ tục, cơ sở dữ liệu và con người
   2. ***Chứng từ, sổ sách kế toán***
   3. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị
   4. Các thủ tục, quy trình liên quan đến bộ phận kế toán
4. **Phát biểu nào sau đây KHÔNG phải là nguyên nhân thất bại khi triển khai hệ thống ERP?**
   1. Chuyển đổi dữ liệu và thử nghiệm hệ thống không đầy đủ
   2. Nhân sự tham gia triển khai dự án và sử dụng hệ thống không đáp ứng được nhu cầu
   3. Đào tạo sử dụng hệ thống ERP không đủ
   4. ***Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin không đáp ứng được nhu cầu triển khai hệ thống***
5. **To complete sale order in OpenERP system, which following functions do you need executing?**
   1. ***Customer Invoice***
   2. Supplier Invoice
   3. Incoming Shipment Order
   4. Delivery Order
6. **Công ty Dell đã sử dụng chiến lược gì trong cạnh tranh**
   1. ***Dẫn đầu chi phí***
   2. Phát triền
   3. Tạo sự khác biệt
   4. Đổi mới
7. **Những người sử dụng tham gia hệ thống cộng tác và giao tiếp sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ sẽ dùng phần mềm trong công việc. Vậy những người sử dụng này hiểu biết về phần mềm hỗ trợ trong công việc của họ ở mức độ như thế nào?**
   1. Phải hiểu biết tất cả mọi thứ mà phần mềm hỗ trợ, ngoài trừ phần mềm quản trị hệ thống
   2. Phải hiểu biết tất cả mọi thứ mà phần mềm hỗ trợ, bao gồm cả quản trị hệ thống
   3. Chỉ cần nắm được tên đăng nhập và mật khẩu của phần mềm là đủ
   4. ***Chỉ cần hiểu biết mọi thứ liên quan đến nghiệp vụ và quy trình làm việc của người sử dụng***
8. **CRM sử dụng công nghệ thông tin để tạo ra**
   1. ***Mỗi hệ thống doanh nghiệp đa chức năng, trong đó nó tích hợp và tự động nhiều quy trình phục vụ khách hàng trong bán hàng, tiếp thị và nhiều dịch vụ khách hàng tương tác các khách hàng của công ty***
   2. Một hệ thống doanh nghiệp đa chức năng, trong đó nó tích hợp và cung cấp nhiều quy trình phục vụ khách hàng
9. **\_\_\_\_\_ là quy trình quản lý thông tin người lao động, quản lý trình độ chuyên môn, theo dõi quá trình khen thưởng, kỷ luật nâng lương …**
   1. ***Theo dõi lao động***
   2. Thông tin nhân viên
   3. Quản lý thông tin
   4. Quản lý nhân viên
10. **Chuỗi cung ứng (SCM) hỗ trợ và quản lý sự liên kết giữa các thành phần nào?**
    1. Giữa quá trình nghiên cứu, sản xuất ra sản phẩm và quá trình marketing
    2. ***Giữa các nhà cung cấp, các khách hàng và các đối tác kinh doanh***
    3. ***Giữa các quy trình kinh doanh chính của công ty***
    4. Giữa nhân viên công ty và quá trình sản xuất
11. **\_\_\_\_\_ là tiến trình mà qua đó một tổ chức hoặc công ty tìm kiếm những ứng viên vào những vị trí công việc phù hợp**
    1. Phân tích công việc
    2. ***Tuyển dụng***
    3. Thiết kế công việc
    4. Lựa chọn công việc
12. **Điền vào chỗ trống: \_\_\_\_\_ là kế hoạch quản lý hiệu quả làm việc của nhân viên, đo mức độ hài lòng của nhân viên với công việc hiện tại từ đó lập kế hoạch và nguyện vọng phát triển cá nhân trong tương lai**
    1. Kế hoạch nhân sự thay thế
    2. Kế hoạch điều động nhân viên
    3. Kế hoạch tuyển dụng
    4. ***Kế hoạch đánh giá hiệu suất***
13. **Quá trình ghi chép, xử lý các nghiệp vụ kế toán liên quan đến việc huy động và quản lý các nguồn vốn quỹ là chu trình nghiệp vụ nào trong hệ thống thông tin kế toán?**
    1. Chu trình tiêu thụ
    2. ***Chu trình tài chính***
    3. Chu trình báo cáo tài chính
    4. Chu trình cung cấp
    5. Chu trình sản xuất
14. **Những vấn đề liên quan đến lập kế hoạch của chuỗi cung ứng là gì?**
    1. ***Thiết kế chuỗi cung ứng***
    2. ***Công tác để lập kế hoạch về cung ứng và dự báo nhu cầu***
    3. Tập hợp mọi thông tin từ phía các đối tác và khách hàng
    4. Tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu có mức giá hợp lý và nguồn cung dồi dào
15. **Các phát biểu nào sau đây về hệ thống ERP là đúng?**
    1. Là một bộ các module phần mềm hoạt động độc lập hỗ trợ hoạt động kinh doanh của DN
    2. ***Hỗ trợ các quy trình kinh doanh cơ bản trong nội bộ doanh nghiệp***
    3. ***Là một bộ tích hợp các module phần mềm***
    4. ***Làm thông suốt dòng chảy thông tin kinh doanh trong công ty, giữa công ty với nhà cung cấp và khách hàng***
16. **The correct order of sale process in OpenERP system?**
    1. Leads, Opportunities, Sale order, Invoice Supplier
    2. Opportunities, Sale order, Leads, Invoice Supplier
    3. Leads, Opportunities, Quotation, Invoice Supplier
    4. ***Leads, Opportunities, Sale order, Invoice Customer***
17. **Supply chain management systems can provide a company with**
    1. Faster, more accurate order processing
    2. Increased aglity and reponsiveness in meeting demands of customers
    3. Lower transaction and materials costs
    4. ***All the choices are correct***
18. **Hệ thống cộng tác và giao tiếp gồm những loại hệ thống nào?**
    1. Cộng tác và giao tiếp nhất thời
    2. ***Cộng tác và giao tiếp sử dụng dữ liệu chung hoặc theo quy trình nghiệp vụ***
    3. ***Cộng tác và giao tiếp cơ bản***
    4. ***Cộng tác và giao tiếp phức tạp***
19. **Quá trình \_\_\_\_\_ là việc theo dõi được tại thời điểm bất kỳ nhân viên đang ở phòng ban nào, lịch sử quá trình làm việc của nhân viên trong công ty**
    1. Điều chuyển lao động
    2. Điều động nhân viên
    3. ***Quản lý lao động***
    4. Quản lý tiền lương
20. **Thành phần nào dưới đây là chức năng của hệ thống thông tin kế toán?**
    1. ***Theo dõi mọi quá trình, hoạt động của bộ phận kế toán***
    2. ***Theo dõi mọi biến động về tài sản***
    3. Theo dõi mọi biến động về con người
    4. ***Theo dõi mọi biến động về nguồn vốn***
    5. Theo dõi mọi biến động về khách hàng
    6. ***Ghi nhận, xử lý, lưu trữ và truyền đạt thông tin kinh tế tài chính bên trong bộ phận kế toán***
21. **Hãy đưa ra trật tự các giai đoạn (1-3) trong vòng đời của một hệ thống CRM**

*Gia tăng - 2*

*Giữ lại - 3*

*Thu thập - 1*

1. **OrangeHRM bao gồm những chức năng nào?**
   1. ***Quản lý thông tin chính sách nghỉ việc***
   2. ***Quản lý thông tin tuyển dụng***
   3. ***Quản lý thông tin cá nhân***
   4. ***Quản lý thời gian làm việc và đánh giá khả năng thực hiện công việc của nhân viên***
   5. Quản lý mối quan hệ khách hàng và nhân viên
2. **Quá trình xử lý nghiệp vụ trong hệ thống thông tin kế toán cần phải trải qua những giai đoạn nào?**
   1. Giai đoạn nhập liệu > Giai đoạn xử lý dữ liệu > Giai đoạn lưu trữ > Giai đoạn báo cáo > Giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin
   2. Giai đoạn nhập liệu > Giai đoạn lưu trữ > Giai đoạn xử lý dữ liệu > Giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin
   3. Giai đoạn nhập liệu > Giai đoạn lưu trữ > Giai đoạn xử lý dữ liệu > Giai đoạn báo cáo > Giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin
   4. ***Giai đoạn nhập liệu > Giai đoạn xử lý dữ liệu > Giai đoạn lưu trữ > Giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin***
3. **Các thành phần ứng dụng (Module) nào sau đây là Module cơ bản của hệ thống ERP?**
   1. ***Quản lý sản xuất (Production Planning)***
   2. Quản lý quan hệ khách hàng (CRM)
   3. Quản lý dự án
   4. ***Quản lý nhân sự (Human Resource)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHIẾN LƯỢC** | **CÔNG TY** | **LỢI ÍCH KINH DOANH** |
| Chi phí | Dell | Nhà sản xuất giảm chi phí |
| Priceline.com | Người mua – đặt giá |
| eBay | Đấu giá – đặt giá |
| Sự khác biệt | AVNET Marshall | Tăng thị phần |
| Moen Inc | Tăng thị phần |
| Consolidate Freighways | Tăng thị phần |
| Đổi mới | Charles Schwab & Co | Dẫn đầu thị trường |
| Federal Express | Dẫn đầu thị trường |
| Amazon.com | Dẫn đầu thị trường |
| Phát triển | Citycorp | Tăng thị phần |
| Wal-Mart | Dẫn đầu thị trường |
| Sự liên kết | Wal-Mart | Giảm chi phí quản lý kho/tăng kinh doanh |
| Cisco Systems | Dẫn đầu thị trường nhanh chóng |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY** | **Loại hình E-Commerce** |
| Amazon.com | B2C |
| Alibaba.com | B2B |
| eBay | C2C |